

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

ThS. NGUYỄN THỊ THU THỦY^(*)

Tóm tắt: Một trong những di sản quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta đó là tư tưởng về đạo đức, đặc biệt là đạo đức cách mạng. Là sự kết tinh tinh hoa giá trị văn hóa dân tộc và nhân loại, trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện tính khoa học và nhân văn sâu sắc, là cơ sở lý luận, kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước trong việc giáo dục đạo đức con người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; Chủ nghĩa Mác - Lênin; Việt Nam

Đặt vấn đề

Trong toàn bộ di sản to lớn mà Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân thì tư tưởng đạo đức mang giá trị vô giá về mặt lý luận và thực tiễn trong việc giáo dục đạo đức cho toàn thể cán bộ và nhân dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức bao gồm nhiều nội dung phong phú và sâu sắc. Nó là sự kết tinh giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, thể hiện sinh động thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng như đặc điểm của thời đại, trên cơ sở kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Bằng tình cảm, nhân cách vĩ đại và

trí tuệ uyên bác, Hồ Chí Minh đã xây dựng nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng, phù hợp với thực tiễn của dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ. Toàn bộ nội dung tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh được khái quát thành những đặc điểm nổi bật, như tính kế thừa và phát triển; tính khoa học và thực tiễn, tính truyền thống và hiện đại; tính nhân văn sâu sắc.

1. Tính kế thừa và phát triển

Tính kế thừa trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh chính là việc tiếp thu có chọn lọc những tinh túy nhất của các học thuyết khác nhau trong lịch sử tư tưởng nhân loại (cả phương Đông và phương Tây) về đạo đức, trên cơ sở điều kiện thực tiễn cụ thể của đất nước để hình thành nên những quan điểm về đạo đức cách mạng, tiến bộ, toàn diện và sâu sắc. Theo Hồ Chí Minh, mỗi học thuyết về đạo

^(*) Trường Đại học Văn Lang

đức, do sự chế định của điều kiện lịch sử và quan điểm giai cấp khác nhau, đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Người cho rằng, học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự *tu dưỡng đạo đức cá nhân*; tôn giáo Giêsu có ưu điểm là *lòng nhân ái cao cả*; chủ nghĩa Mác có ưu điểm là *phương pháp làm việc biện chứng*; chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là *chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta*. Với lối tư duy sắc bén và bằng cách phân tích, đánh giá sâu sắc, Hồ Chí Minh đã chắt lọc, kế thừa những hạt nhân hợp lý về đạo đức của các học thuyết này. Đúng như V.I.Lênin đã nhận định: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”⁽¹⁾.

Đạo đức Nho giáo ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm của Hồ Chí Minh, đó là tinh thần “nhân nghĩa”, đạo “tu thân”, sự ham học hỏi, đức “khiêm tốn”, tính “hòa nhã”, cách đối nhân xử thế “có lý, có tình”. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng đạo đức Nho giáo với phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, bằng bản lĩnh chính trị và tri thức văn hóa. Người đã kế thừa có chọn lọc, cải biến, bổ sung và phát triển các quan điểm đạo đức Nho giáo để hình thành nên tư tưởng đạo đức mới, qua đó làm giàu vốn tri thức văn hóa của bản thân. Những phạm trù đạo đức của Nho giáo, như trung, hiếu, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư... đã được Hồ Chí Minh đưa vào đó những nội hàm mới, với nội dung và tính chất mới, nhằm góp phần hoàn thiện con người về mặt đạo đức, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong xã hội phong kiến, phạm trù “trung”, “hiếu” là trung với vua, hiếu với cha mẹ. Hồ Chí Minh đã nâng lên một nội dung mới đó là *trung với nước, với Đảng và hiếu với dân*, vì hạnh phúc của nhân dân, phục vụ Tổ quốc, vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc và tương lai tươi sáng của nhân loại. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu nâng lên trời. Bọn phong kiến xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng

không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân ta phải tuân theo để phục vụ quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”⁽²⁾.

Nhận xét về học thuyết Khổng Tử, Hồ Chí Minh cho rằng, “tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song có những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”⁽³⁾.

Đạo giáo cũng có ảnh hưởng sâu sắc trong đạo đức Hồ Chí Minh biểu hiện cụ thể ở phong cách ung dung, tự tại, là sự kết tinh giữa cái tự nhiên, bình dị với cái vĩ đại, lớn lao, cao sang đã thăng hoa thành phong cách độc đáo của Hồ Chí Minh. Đó còn là sự trải nghiệm, đúc kết những kinh nghiệm suốt cả cuộc đời hoạt động sôi nổi, đầy cam go thử thách trong mọi hoàn cảnh lịch sử.

Hồ Chí Minh cũng đã tiếp thu và chịu ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo. Đó là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ cứu nạn, thương người như thể thương thân. Ở Hồ Chí Minh, tình thương yêu bao la không chỉ dành cho con người Việt Nam, mà còn là tất cả những người bị áp bức, cùng khổ không phân biệt màu da. Hồ Chí Minh là hiện thân của lòng nhân ái, độ lượng, khoan dung, trong sạch, giản dị.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu văn hóa dân chủ và tiến bộ của nước Pháp. Những tư tưởng dân chủ của các nhà tư tưởng khai sáng nổi tiếng ở Pháp lúc bấy giờ, như Jacques Rousseau, Voltaire, Charles Louis Montesquieu, đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Với tư cách là học thuyết tiên tiến của thời đại, chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ có sức hấp dẫn lớn đối với quần chúng nhân dân lao động, mà còn đối với những nhà tư tưởng tiên bộ trên thế giới. Vì thế, trong tư tưởng nói chung, tư tưởng đạo đức nói riêng, Hồ Chí Minh đặc biệt ảnh hưởng và tiếp thu những giá trị nhân văn cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh nhận thấy, trong thế giới lúc bấy

giờ có nhiều học thuyết, nhiều chủ nghĩa, nhưng chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết *chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất*. Vì vậy, Người đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bất công, xây dựng xã hội mới văn minh, tốt đẹp cho con người và vì con người.

Đặc biệt, trong tư tưởng đạo đức, trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên những quan điểm đạo đức mới, nhằm tu dưỡng, giáo dục đạo đức cho cán bộ và nhân dân, xây dựng thành công tư tưởng chiến lược về đại đoàn kết thông qua các hình thức của Mặt trận Dân tộc thống nhất, góp phần đưa công cuộc kháng chiến, kiến quốc đến thắng lợi. Tháng 01/1955, trong bài *Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc*, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”⁽⁴⁾.

Trong tác phẩm *Đời sống mới* (do Ban Trung ương vận động Đời sống mới xuất bản năm 1947) được trình bày dưới dạng hỏi - đáp, có giá trị về lý luận và thực tiễn to lớn trong việc giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Hồ Chí Minh đã khẳng định: đạo đức mới không phải là gạt bỏ mọi cái cũ mà chúng ta phải kế thừa, phát huy, phát triển những tinh hoa về truyền thống yêu nước, đoàn kết chống giặc ngoại xâm, tương thân, tương ái, cần cù lao động, lá lành đùm lá rách. Người chỉ rõ: “Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi. Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương

ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm...”⁽⁵⁾.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), Người dành hẳn Chương III để viết về “tư cách và đạo đức cách mạng”, phân tích các khái niệm, như nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Bên cạnh đó, trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh còn khẳng định, đạo đức cách mạng “là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”⁽⁶⁾. Trong tác phẩm *Cần kiệm liêm chính* (với bút danh Lê Quyết Thắng do Ủy Ban kháng chiến Liên khu I xuất bản vào năm 1949), các khái niệm, như cần, kiệm, liêm, chính, cũng được Hồ Chí Minh phân tích một cách sâu sắc với nhiều nội dung mới. Người nêu rõ những chuẩn mực đạo đức của xã hội cũ và xã hội mới có sự thay đổi rõ rệt. Hồ Chí Minh cho rằng: “Cần, Kiệm, Liêm, Chính là nền tảng của Đời sống mới, nền tảng của Thi đua ái quốc”⁽⁷⁾. Bởi, “trời có bốn mùa”, “đất có bốn phương” và “người có bốn đức” lớn là cần, kiệm, liêm, chính. Nếu “thiếu một mùa thì không thành trời, thiếu một phương thì không thành đất, thiếu một đức thì không thành người”. Nhờ thực hiện cần, kiệm, liêm, chính mà nhân dân ta “đánh thắng được giặc lụt, giặc đốt, giặc thực dân và giặc đói”⁽⁸⁾. Cùng với *cần, kiệm, liêm, chính*, đạo đức nói chung và đạo đức cách mạng nói riêng, theo Hồ Chí Minh, còn là *chí công vô tư*, là “*trung với nước, hiếu với dân*”, là lòng *nhân ái, khoan dung*... Hồ Chí Minh cho rằng, các chuẩn mực đạo đức này tuy có vai trò, vị trí khác nhau, nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ, để hình thành nên cái “gốc” của nhân cách con người.

Hồ Chí Minh đã kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bất công, xây dựng xã hội mới văn minh, tốt đẹp cho con người. Người cho rằng: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì?

Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”⁽⁹⁾. Vì vậy, theo Hồ Chí Minh, không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà ở thời kỳ của C.Mác không thể có được.

Quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác. Trong “Lời tựa” viết cho lần xuất bản tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* bằng tiếng Đức vào năm 1872, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu quan điểm: “Chính ngay Tuyên ngôn cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”⁽¹⁰⁾. Đây là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học đối với một học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen. V.I.Lênin đã nhận định: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”⁽¹¹⁾.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, qua đó xây dựng và phát triển một nền đạo đức mới - đạo đức cách mạng. Nếu như C.Mác và Ph.Ăngghen bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, thì V.I.Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. V.I.Lênin cho rằng, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí là một nước riêng lẻ của chủ nghĩa đế quốc. Dưới góc độ là người dân của một nước thuộc địa bị áp bức, Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Khi phân tích thực tiễn cách mạng ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh chỉ rõ, mâu thuẫn chủ yếu ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, còn *mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân*. Vì vậy,

sự phân hóa giai cấp ở các nước phương Đông không giống như ở các nước phương Tây. Điểm phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh là ở chỗ chỉ ra cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa quan hệ chặt chẽ với cách mạng chính quốc, nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào cách mạng chính quốc. Nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc có thể chủ động đứng lên “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Vì thế, mục đích, lý tưởng và phẩm chất đạo đức cách mạng có ý nghĩa cao cả và to lớn nhất, theo Hồ Chí Minh, là giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho đất nước và hạnh phúc cho nhân dân.

Tóm lại, trong tư tưởng đạo đức, trên cơ sở phương pháp biện chứng mác-xít, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển sáng tạo các giá trị đạo đức dân tộc, tiếp biến tinh hoa đạo đức của nhân loại, với cái nhìn biện chứng giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức mới là kết quả của cuộc đấu tranh chống lại cái cũ, cái lạc hậu để khẳng định cái mới với những giá trị nhân văn, cao đẹp. Chủ tịch Hồ Chí Minh “trở thành biểu tượng của đạo đức và văn minh, không phải chỉ của Đảng ta, dân tộc ta, mà còn là biểu tượng chung của nhân loại”⁽¹²⁾.

2. Tính khoa học và thực tiễn

Cùng với tính kế thừa và phát triển, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn thể hiện rõ tính khoa học sâu sắc và tính thực tiễn sinh động, *thể hiện ở những điểm cơ bản* sau:

Thứ nhất, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh được hình thành trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh là nhà mác-xít vĩ đại. Người đã kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa đạo đức truyền thống của dân tộc và các giá trị đạo đức phương Đông, phương Tây, đặc biệt là đạo đức học Mác - Lênin, để hình thành nên tư tưởng đạo đức mới - đạo đức cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, vai trò hàng đầu của chủ nghĩa Mác - Lênin là đem lại cách làm việc biện chứng, phương pháp hành động đúng để nhận thức và cải tạo hiện thực khách quan. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh tìm hiểu, nghiên cứu nhiều

cuộc cách mạng, nhiều học thuyết, tư tưởng, nhưng Người khẳng định, bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa *chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*. Vì, “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cầm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁽¹³⁾.

Thứ hai, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh ra đời từ yêu cầu thực tiễn khách quan của cách mạng Việt Nam, đó là giải phóng dân tộc, đem lại tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân. Với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, đầu óc phê phán tinh tường, nhãn quan chính trị đặc biệt và tầm nhìn xa trông rộng, Người đã vượt qua “sự hạn chế” về tầm nhìn và phương pháp đấu tranh của các bậc tiền bối yêu nước, như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can, Hoàng Hoa Thám... Bước ngoặt quan trọng của một sự lựa chọn lịch sử có ý nghĩa mở đầu cho hành trình tìm đường cứu nước thể hiện ở chỗ, “trong khi các nhà cách mạng tiền bối đang nhiệt tình với cách mạng dân chủ tư sản và nó đang thu hút mạnh mẽ đối với các tầng lớp nhân dân lao động thì Nguyễn Ái Quốc đi theo lập trường vô sản là cuộc cách mạng rất lớn trong tư duy chính trị Việt Nam”⁽¹⁴⁾.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh mang tính khoa học vì nó ra đời và phát triển dựa trên một học thuyết khoa học và cách mạng, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin; đồng thời, phản ánh đúng đắn, sâu sắc thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Vì thế, “Quan điểm đạo đức Hồ Chí Minh thuộc về dòng đạo đức học Mác xít nhưng là mác-xít cách tân, sáng tạo chứ không giáo điều”⁽¹⁵⁾. Với những quan điểm đạo đức mang tính khoa học, biện chứng của Hồ Chí Minh thì cho đến nay, nó vẫn khẳng định giá trị đúng đắn, khoa học. Đó là sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tài tình giữa đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân - giai cấp tiên tiến nhất

trong thời đại ngày nay, với những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh mang tính thực tiễn bởi nó được hình thành từ thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; đồng thời, những tư tưởng đạo đức này được vận dụng trong các giai đoạn cách mạng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng thực tiễn và xuất phát từ thực tiễn. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng được hình thành dựa trên sự tổng kết thực tiễn đạo đức trong lịch sử. Trên con đường bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã quyết định sang nước Pháp, đến tận nơi nước đang cai trị mình, đến tận châu Âu - nơi đang có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, chính trị và văn hóa của nền văn minh chính quốc để tìm hiểu những tư tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái”, những giá trị về đạo đức mà xã hội tư bản đang đề cao. Khi rời Pháp sang Liên Xô (tháng 6/1923), Nguyễn Ái Quốc đã viết thư để lại cho các đồng chí đang hoạt động tại Pháp, trong thư Người đặt câu hỏi: “Chúng ta phải làm gì?” và trả lời rằng: “Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta. Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁽¹⁶⁾.

Tính thực tiễn đã thể hiện rõ trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - chính yêu cầu thực tiễn lịch sử - xã hội Việt Nam đã thôi thúc Hồ Chí Minh hành động để đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi kiếp làm than, nô lệ. Suốt quá trình tìm đường cứu nước cho đến khi giành được độc lập, xây dựng nhà nước, Hồ Chí Minh luôn xuất phát từ thực tiễn để rút ra những nhận định, giải đáp những yêu cầu của thực tiễn, khái quát thành lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Từ trải nghiệm thực tiễn cách mạng phong phú và sâu sắc, Hồ Chí Minh còn phát hiện ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới - *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*.

Tính thực tiễn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn được thể hiện thông qua sự

làm gương và nêu gương, gương người tốt, việc tốt hằng ngày mà đúc kết thành những chuẩn mực, điều chỉnh hành vi của người Việt Nam trong hoạt động sống. Mỗi cán bộ, đảng viên cần có ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức hằng ngày và quan trọng hơn là hằng ngày phải “thực hành đạo đức cách mạng”. Hồ Chí Minh cũng thẳng thắn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁽¹⁷⁾.

3. Tính truyền thống và hiện đại

Khi xây dựng nên hệ thống tư tưởng đạo đức, Hồ Chí Minh không phủ nhận đạo đức truyền thống, được hình thành trong quá trình lịch sử và có tính ổn định, bền vững tương đối, mà trái lại, trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học cùng với sự tiếp thu những giá trị đạo đức hiện đại, tiên bộ của thời đại, Người đã tiếp thu, kế thừa những di sản truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Bản thân Người còn là một biểu hiện, sự hiện thân của nền đạo đức truyền thống Việt Nam, truyền thống phương Đông. Ở đây, chúng ta cần lưu ý rằng, không nên đồng nhất *truyền thống* với *giá trị truyền thống*. Bởi lẽ, *truyền thống* thì có cái tốt, cái xấu, nhưng *giá trị truyền thống* thì chỉ có cái tốt, cái nhân văn, vì chỉ những cái gì tốt đẹp thì mới được gọi là giá trị.

Trong *Báo cáo Chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 02/1951), Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta...”⁽¹⁸⁾. Như vậy, *truyền thống quý báu* mà Hồ Chí Minh nói ở đây là giá trị truyền thống của dân tộc. Hồ Chí Minh là người luôn trân trọng gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Từ những giá trị truyền thống đạo đức của dân tộc, đến thời đại Hồ Chí Minh đã phát triển thành đạo đức mới - đạo đức cách mạng.

Tính truyền thống không chỉ thể hiện trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, mà còn thể hiện ở

chính con người và phong cách của Người. Đây là nét đặc sắc trong phong cách Hồ Chí Minh. Đó là tình yêu quê hương, đất nước tha thiết, thương dân, gần dân, quan tâm lo lắng cho tất cả mọi người từ các cháu thiếu niên, nhi đồng đến thanh niên, các cụ già; là ý chí, nghị lực kiên trì vượt qua mọi khó khăn, thử thách; là phong cách của một nhà chính trị, một nhà ngoại giao, một trí thức uyên bác nhưng hết sức bình dị, khiêm tốn, đức tính tiết kiệm, gương mẫu của Hồ Chí Minh. Tất cả những yếu tố này trở thành hành trang, động lực để Hồ Chí Minh vượt qua mọi gian nan vrom tới sự nghiệp lớn - cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc.

Bên cạnh những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra và lên án thói quen, hủ tục lạc hậu trong việc ma chay, cưới xin, bệnh quan liêu, đổ kỵ, hẹp hòi, thói gia trưởng, coi thường phụ nữ... Người cho rằng, đây là trở lực đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong những kẻ địch mà người cách mạng phải tinh táo nhận diện và kiên quyết phòng chống thì “thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài”⁽¹⁹⁾. Điều này xuất phát từ quan niệm có tính phương pháp luận của Hồ Chí Minh là lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, lấy xây dựng đạo đức để chủ động chống lại những gì trái với đạo đức.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết hợp tài tình, sáng tạo các giá trị truyền thống đạo đức của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và chủ nghĩa Mác - Lênin, phản ánh và đáp ứng sâu sắc yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam. Khi lựa chọn mô hình phát triển tương lai của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã không chọn đi theo con đường của cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp, vì đó là những cuộc “cách mệnh không đến nơi”. Từ sự phân tích sâu sắc thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh khẳng định, Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mới là tấm gương cho dân tộc Việt Nam học tập và đi theo. Bởi

vi, Cách mạng Tháng Mười Nga là cuộc cách mạng đã thành công và thành công đến nơi, thực sự mang lại hạnh phúc, tự do, bình đẳng cho đại đa số nhân dân lao động.

Bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh là đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đánh giá rất cao học thuyết Mác - Lênin và coi đó là “cầm nang thần kỳ”, là chân lý của thời đại. Ngay cả khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cũng tiếp thu trên nền tảng của giá trị truyền thống dân tộc Việt Nam. Người nhấn mạnh, hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu kinh sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tính hiện đại trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc xác định mục tiêu xây dựng xã hội mới ở nước ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người nhấn mạnh tiêu chí của chủ nghĩa xã hội là phải xây dựng nền kinh tế công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có trình độ khoa học - kỹ thuật phát triển, nền văn hóa tiên tiến với những giá trị mới, hiện đại và văn minh hơn. Theo Người, cái mới, hiện đại ở đây là phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi khu vực, mỗi quốc gia. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu khi thực hiện đời sống mới không phải cái gì cũng làm mới và nhấn mạnh: “Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm... Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích của đời sống mới”⁽²⁰⁾. Việc ăn, ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp đây là cái mới, chúng ta cần làm. Ở đây, chúng ta cần lưu ý rằng, những cái mới mà không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc thì cần tránh. Những quan điểm về đời sống mới của Hồ Chí Minh đến nay vẫn nguyên giá trị định hướng cho việc xây dựng con người ở Việt Nam.

Tính hiện đại trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn biểu hiện ở chính con người Hồ Chí Minh, ở văn hóa ứng xử và ở cả trong phương pháp, phong cách tư duy và hành động, sự am hiểu sâu sắc và tinh tế của Người. Từ tuổi thiếu niên, Hồ Chí Minh đã tiếp cận những yếu tố văn

hóa phương Tây qua trường học Pháp - Việt. Người còn sử dụng thông thạo nhiều ngoại ngữ, vì đây là chìa khóa để tìm hiểu văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh mang đậm cốt cách của nhà hiền triết phương Đông, nhưng cũng rất coi trọng văn minh phương Tây. Trong giao tiếp, ứng xử hay biểu đạt tư duy, Người cũng thể hiện bản lĩnh và sự hiểu biết về văn hóa phương Tây. Cuộc đời, sự nghiệp, phong cách, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương Đông và phương Tây, truyền thống và hiện đại, quá khứ, hiện tại, tương lai, mang tính nhân loại nhưng lại rất Việt Nam. Nhà báo, nhà ngoại giao Ô-xíp Man-đen-xtam đã nhận xét: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai... Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mệnh mông của tình hữu ái toàn thế giới”⁽²¹⁾.

Tóm lại, trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, những giá trị đạo đức mới đã hòa quyện vào những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Đây chính sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và nhân loại là một trong những đặc trưng nổi bật của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

4. Tính nhân văn

Một trong những đặc điểm như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng đạo đức nói riêng là tính nhân văn. Tính nhân văn trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện lòng nhân ái bao la của Người dành cho đồng bào, đặc biệt là những người nghèo khổ, bị áp bức bóc lột. Suốt cả cuộc đời, Người hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, để nước nhà được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Từ tình yêu dân tộc, yêu đồng bào, Hồ Chí Minh đã mở rộng tình yêu thương đó đến tất cả nhân loại bị áp bức, bóc lột trên toàn thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có niềm tin mãnh liệt vào con người, vào nhân dân, chia sẻ và cảm

thông với mỗi người, mỗi gia đình. Hồ Chí Minh nói: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”⁽²²⁾. Đối với đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, miền Nam thân yêu luôn ở trong trái tim Người. Nam bộ là “máu của máu Việt Nam, thịt của thịt Việt Nam”. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý đó không bao giờ thay đổi. Người đau buồn khi nghe tin bọn đế quốc và bè lũ tay sai đàn áp dã man đồng bào miền Nam. Ngược lại, Người rất vui mừng với mỗi chiến thắng mới của đồng bào miền Nam. Những năm tháng cuối đời, biết sức khỏe yếu dần, Người vẫn chăm chỉ tập đi bộ, tập leo núi để cải thiện sức khỏe nhằm trừ tính thực hiện chuyến vào Nam thăm đồng bào, đồng chí.

Tính nhân văn trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc coi trọng giải phóng phụ nữ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vị trí, vai trò của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đồng thời, Người cho rằng, giải phóng phụ nữ vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong sự nghiệp cách mạng và đó là thước đo của trình độ phát triển xã hội. Theo Hồ Chí Minh: “Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Hiến pháp và pháp luật của nước ta đã quy định rõ điều đó”⁽²³⁾. Trong *Thư gửi phụ nữ nhân dịp kỷ niệm Hai Bà Trưng và ngày Quốc tế phụ nữ*, Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp rực rỡ”⁽²⁴⁾. Tư tưởng giải phóng phụ nữ không chỉ thấm đượm tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, mà còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ Việt Nam hiện nay.

Tính nhân văn còn thể hiện ở tình thương yêu các cụ già, các cháu thiếu niên, nhi đồng, đồng chí bộ đội, đặc biệt là người gửi gắm tình yêu thương và lòng tin tưởng đối với thế hệ thanh niên. Thanh niên là lớp người trẻ tuổi - chủ tương

lai của đất nước, vì vậy bồi dưỡng thế hệ thanh niên, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc làm quan trọng và rất cần thiết. Người tha thiết mong toàn Đảng, toàn dân đời đời ghi nhớ công ơn của những người con ưu tú đã hi sinh thân mình vì độc lập, tự do của dân tộc, cần chăm sóc và tạo việc làm cho những người thương bệnh binh chịu mất mát trong chiến tranh... Hồ Chí Minh không bao giờ nghĩ đến lợi ích riêng cho mình, mà chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân. Trong *Di chúc* thiêng liêng để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trước lúc đi xa, Người đã nhấn nhủ: “Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”⁽²⁵⁾. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện ở tình yêu thương con người, tình yêu nhân dân lao động và khát vọng cháy bỏng giải phóng họ khỏi áp bức, bất công, mà còn thể hiện ở việc chăm lo, bồi dưỡng, phát huy sức mạnh của con người trong quá trình xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Kết luận

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là bộ phận quan trọng trong di sản tư tưởng, lý luận của Người. Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã kế thừa và vận dụng nhuần nhuyễn, tài tình những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chất lọc từ tinh hoa giá trị đạo đức nhân loại, phù hợp với những điều kiện cụ thể của Việt Nam, hướng tới những giá trị mang tầm thời đại. Xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân sâu sắc và với tầm nhìn, trí tuệ, bản lĩnh cách mạng, Hồ Chí Minh đã làm một cuộc cách mạng sâu sắc trong lĩnh vực đạo đức ở Việt Nam. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức mới - đạo đức cách mạng, không vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của nhân dân, với mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, hướng đến xây dựng xã hội tốt đẹp, ấm no, hạnh phúc.

Nhận thức được vai trò quan trọng của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”⁽²⁶⁾ □

- (1), (3), (7), (8) và (17) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.357, 356, 117, 117 và 16
 (2), (18) và (24) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.7, tr.220, 38 và 340
 (4) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.9, tr.244
 (5), (6) và (20) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.5, tr.112-113, 292 và 113

- (9), (16) và (21) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.1, tr.509-510, 209 và 462 - 463
 (10) C.Mác và Ph.Ăngghen *Toàn tập*, t.18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.128
 (11) V.I.Lênin *Toàn tập*, t.4, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr. 232
 (12) Song Thành, *Hồ Chí Minh - nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.138-139
 (13) và (23) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.12, tr.563 và 705
 (14) Doãn Chính, *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.1262
 (15) Hoàng Chí Bào, *Minh triết Hồ Chí Minh về đạo đức*, Tạp chí Văn hóa học, số 3, 2012, tr.3
 (19) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.11, tr.605 - 606
 (22) Ép-Giê-Nhi Ca-Bê-Lép, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, t.1, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1985, tr.247
 (25) Hồ Chí Minh *Toàn tập*, *Sđđ*, t.15, tr.624
 (26) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.202

V.I.LÊNIN PHÊ PHÁN SỰ XUYÊN TẠC CỦA CHỦ NGHĨA MĂKHƠ...

(tiếp theo trang 17)

chiến đấu và tinh khoa học sâu sắc. Do vậy, đối với các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc chủ nghĩa Mác, chúng ta đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác, kiên quyết đấu tranh bằng những luận cứ khoa học với tinh thần cách mạng tiến công, không nhượng bộ.

Thứ hai, phải hết sức cảnh giác với những quan điểm núp dưới chiêu bài “bảo vệ”, “sửa chữa”, “làm mới”, “phát triển” chủ nghĩa Mác, nhưng thực chất là chống phá, bôi nhọ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác như sự xuyên tạc trắng trợn của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán Nga, khi cho rằng, chính C.Mác coi nguyên tắc tiết kiệm là nguyên tắc phổ biến làm cơ sở lý luận quan điểm của ông về xã hội; hay cách dùng thủ thuật “theo tinh thần của những nguyên lý cơ bản của Mác” để suy ra những điều chủ quan của họ mà không phải của chính C. Mác...

Thứ ba, khi đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, V.I.Lênin luôn đối chiếu, so sánh các quan điểm ấy với quan điểm chính thống của C.Mác, trên cơ sở đó chỉ rõ những quan điểm hồ đồ và phản động ấy đã làm đường, lạc lối ở chỗ nào so với C.Mác và các quan điểm của C.Mác. Nghĩa là, V.I.Lênin vận dụng sáng tạo nguyên tắc khách quan của phép biện chứng duy vật vào đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch. Điều này đã góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch □

- (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17) và (18) V.I.Lênin *Toàn tập*, t.18, Nxb Tiến bộ, M. 1980, tr. 9, 393, 393 - 394, 393 - 394, 393 - 394, 394 - 395, 393 - 395, 393 - 395, 393 - 395, 400, 402, 402 - 403, 405, 407, 409, 413-414, 414 và 11